

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **14** /CV – CLL

TPHCM, ngày **17** tháng **3** năm 2023

V/v Công bố thông tin:
Báo cáo Tài chính năm 2022
(Công ty mẹ). Đã kiểm toán

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM,

Tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI.

Trụ sở chính: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, TPHCM.

Điện thoại: 028.3740.2488 – Fax: 028.3740.2487.

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Chí Đăng

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, TPHCM.

Điện thoại: 028.3740.2488 – Fax: 028.3740.2487.

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo Tài chính năm 2022 (công ty mẹ). Đã kiểm toán.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

GIÁM ĐỐC 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TK HĐQT, Th03.



Lê Chí Đăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305168938 ngày 27 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 10 lần cấp bổ sung giấy chứng nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi địa chỉ Công ty, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 vào ngày 01 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 0283 7 423 499 – 0283 7 423 501 – 0283 7 423 502
- Fax : 0283 7 423 500
- Email : info@catlaiport.com.vn
- Website : www.catlaiport.com.vn

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Phương Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Thành Khoa	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Chí Đăng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Hiếu Đạo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Châu Bảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Huỳnh Mai	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Thanh Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2019
Ông Tạ Cao Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2022
Ông Lê Hải Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2021
Ông Nguyễn Quang Phước Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2022

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Chí Đăng	Giám đốc	Ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Hiếu Đạo	Phó Giám đốc	Ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Việt Trường	Kế toán trưởng	Ngày 29 tháng 11 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Chí Đăng – Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Chí Đăng

Ngày 14 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		355.357.778.109	340.542.941.305
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	221.034.411.588	218.756.362.058
1. Tiền	111		30.271.366.154	10.570.067.504
2. Các khoản tương đương tiền	112		190.763.045.434	208.186.294.554
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		89.409.653.155	61.206.575.342
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	89.409.653.155	61.206.575.342
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.807.483.981	56.045.076.401
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	32.066.782.361	40.501.846.377
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	152.690.476	5.717.217.255
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10.367.288.021	10.605.289.646
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(779.276.877)	(779.276.877)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.082.804.000	2.367.582.000
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.082.804.000	2.367.582.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.023.425.385	2.167.345.504
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	771.030.289	149.171.778
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.088.237.325	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	164.157.771	2.018.173.726
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		293.235.906.732	299.599.737.066
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	136.323.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	136.323.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		193.751.906.732	198.989.268.724
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	115.599.353.556	119.252.067.464
<i>Nguyên giá</i>	222		519.301.635.162	500.559.343.859
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(403.702.281.606)	(381.307.276.395)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	78.152.553.176	79.737.201.260
<i>Nguyên giá</i>	228		101.542.004.441	101.542.004.441
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(23.389.451.265)	(21.804.803.181)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	990.145.342
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	990.145.342
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	99.484.000.000	99.484.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		19.000.000.000	19.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		78.225.400.000	78.225.400.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.258.600.000	2.258.600.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		648.593.684.841	640.142.678.371

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		21.003.912.208	14.730.898.682
I. Nợ ngắn hạn	310		21.003.912.208	14.730.898.682
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4.809.516.565	3.193.233.905
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.601.601.285	1.037.313.275
4. Phải trả người lao động	314		2.363.559.967	2.626.882.797
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		302.489.385	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	5.391.640.095	4.692.391.221
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2.535.104.911	3.181.077.484
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

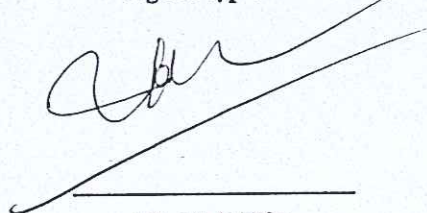
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		627.589.772.633	625.411.779.689
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	627.589.772.633	625.411.779.689
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.123.448.000	60.123.448.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		101.852.596.289	101.852.596.289
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		125.613.728.344	123.435.735.400
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		39.480.032.239	123.435.735.400
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		86.133.696.105	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		648.593.684.841	640.142.678.371

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Trường

Giám đốc



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

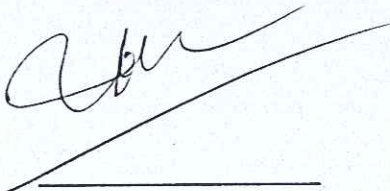
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	194.432.592.011	191.842.205.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		194.432.592.011	191.842.205.762
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	71.227.317.578	88.573.864.355
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		123.205.274.433	103.268.341.407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.833.729.999	14.128.699.611
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	3.450.859.328	103.881.001
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	20.071.363.433	15.148.402.108
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		112.516.781.671	102.144.757.909
11. Thu nhập khác	31		17.800.201	1
12. Chi phí khác	32	VI.6	166.973.394	-
13. Lợi nhuận khác	40		(149.173.193)	1
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		112.367.608.478	102.144.757.910
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		21.700.559.946	13.593.790.477
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>90.667.048.532</u>	<u>88.550.967.433</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thái Hậu



Nguyễn Việt Trường



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01		112.367.608.478		102.144.757.910
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9		23.979.653.295		35.442.159.220
- Các khoản dự phòng	03		-		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05 VI.3		(11.809.732.785)		(12.457.930.607)
- Chi phí lãi vay	06		-		-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		124.537.528.988		125.128.986.523
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.072.977.824		2.490.542.503
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.284.778.000		(1.581.182.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.924.158.788)		(12.906.836.208)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(621.858.511)		12.932.322.412
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-		-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-		-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.13		(15.592.040.893)		(13.174.739.004)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16 V.15		22.000.000		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.15		(6.671.518.487)		(9.460.149.366)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		113.107.708.133		103.428.944.860
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21 V.9		(14.776.057.601)		(5.655.596.558)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(315.000.000.000)		(66.206.575.342)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		286.796.922.187		80.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.876.449.011		12.449.424.993
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.102.686.403)		20.587.253.093

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(80.726.972.200)	(74.448.917.300)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(80.726.972.200)</i>	<i>(74.448.917.300)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.278.049.530	49.567.280.653
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	218.756.362.058	169.189.081.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	<u>221.034.411.588</u>	<u>218.756.362.058</u>

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Trường

Giám đốc



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại 938/180 đường Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 39 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 37 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập

Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí thay thế đệm va cầu tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí thuê cầu

Tiền thuê cầu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn(*)	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

(*) Phương tiện vận tải có thời gian khấu hao 3 năm là các tài sản mua cũ được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	52.139.237	221.107.392
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.219.226.917	10.348.960.112
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	190.763.045.434	208.186.294.554
Cộng	221.034.411.588	218.756.362.058

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái ⁽ⁱ⁾	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	78.225.400.000	-	78.225.400.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ ⁽ⁱⁱ⁾	78.225.400.000	-	78.225.400.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.258.600.000	-	2.258.600.000	-
Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.258.600.000	-	2.258.600.000	-
Cộng	99.484.000.000	-	99.484.000.000	-

(i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 1.900.000 cổ phần, tương đương 54,29% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái, không thay đổi so với số đầu năm.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 2.523.400 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/1 cổ phần, giá trị ghi sổ là 78.225.400.000 VND, tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ, không thay đổi so với số đầu năm.

(iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 225.860 cổ phần, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty con, Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái		
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	9.506.297.500	9.832.100.000
Công ty con chia cổ tức	-	1.520.000.000
Doanh thu dịch vụ tư vấn đã cung cấp	120.000.000	120.000.000
Lãi bán hàng trả chậm	1.023.997.214	1.670.769.004
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ		
Công ty liên kết chia cổ tức	4.583.782.141	4.098.254.511

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	30.929.314.051	39.364.378.067
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	10.449.369.753	8.427.506.519
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	20.479.944.298	30.936.871.548
Phải thu các khách hàng khác	1.137.468.310	1.137.468.310
Cộng	32.066.782.361	40.501.846.377

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân (*)		4.687.233.543
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Thiết kế Số Một	117.786.386	-
Văn phòng Luật sư Thịnh Quốc - Chi nhánh Cà Mau		385.000.000
Các nhà cung cấp khác	34.904.090	644.983.712
Cộng	152.690.476	5.717.217.255

(*) Là khoản ứng trước 40% giá trị hợp đồng dự án Xây dựng tòa nhà văn phòng.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	7.242.831.945	-	7.938.834.731	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái - Tiền lãi trả chậm	7.242.831.945	-	6.418.834.731	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái - Phải thu về cổ tức	-	-	1.520.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.124.456.076	(17.558.567)	2.666.454.915	(17.558.567)
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.376.934.872	-	1.923.651.098	-
Tạm ứng	126.095.250	-	296.795.250	-
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - phải thu tiền đặt cọc đã hết hạn hợp đồng	428.450.000	-	428.450.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	192.975.954	(17.558.567)	17.558.567	(17.558.567)
Cộng	10.367.288.021	(17.558.567)	10.605.289.646	(17.558.567)

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 03 năm và đã được trích lập dự phòng 100%.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị	536.549.860	536.549.860
Công ty Cổ phần Gỗ Hải Quảng	49.186.500	49.186.500
Công ty TNHH Vận tải XNK Trung Thành	44.999.550	44.999.550
CBF Coffee	130.982.400	130.982.400
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tổng hợp Việt Hàn Mỹ	17.558.567	17.558.567
	<u>779.276.877</u>	<u>779.276.877</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	779.276.877	779.276.877
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối năm	<u>779.276.877</u>	<u>779.276.877</u>

7. Hàng tồn kho

Là công cụ, dụng cụ tồn kho.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bảo hiểm phương tiện	149.171.778	149.171.778
Chi phí nạo vét mương bãi	617.858.511	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.000.000	-
Cộng	<u>771.030.289</u>	<u>149.171.778</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	179.320.238.761	319.087.331.826	2.096.372.727	55.400.545	-	500.559.343.859
Mua trong năm	97.350.000	-	-	637.699.847	77.777.778	812.827.625
Đầu tư XD/CB hoàn thành	15.669.728.633	-	-	1.021.972.545	1.237.762.500	17.929.463.678
Số cuối năm	<u>195.087.317.394</u>	<u>319.087.331.826</u>	<u>2.096.372.727</u>	<u>1.715.072.937</u>	<u>1.315.540.278</u>	<u>519.301.635.162</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.255.215.546	157.730.229.593	867.000.000	55.400.545	-	206.907.845.684
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	104.405.445.090	275.569.639.856	1.276.790.904	55.400.545	-	381.307.276.395
Khấu hao trong năm	6.744.618.630	15.037.845.278	204.895.452	238.792.615	168.853.236	22.395.005.211
Số cuối năm	<u>111.150.063.720</u>	<u>290.607.485.134</u>	<u>1.481.686.356</u>	<u>294.193.160</u>	<u>168.853.236</u>	<u>403.702.281.606</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	74.914.793.671	43.517.691.970	819.581.823	-	-	119.252.067.464
Số cuối năm	<u>83.937.253.674</u>	<u>28.479.846.692</u>	<u>614.686.371</u>	<u>1.420.879.777</u>	<u>1.146.687.042</u>	<u>115.599.353.556</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁI LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	101.262.004.441	280.000.000	101.542.004.441
Số cuối năm	101.262.004.441	280.000.000	101.542.004.441
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	280.000.000	280.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	21.524.803.181	280.000.000	21.804.803.181
Khấu hao trong năm	1.584.648.084	-	1.584.648.084
Số cuối năm	23.109.451.265	280.000.000	23.389.451.265
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	79.737.201.260	-	79.737.201.260
Số cuối năm	78.152.553.176	-	78.152.553.176
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là dự án xây dựng trụ sở văn phòng Công ty.

Số đầu năm	990.145.342
Chi phí phát sinh trong năm	16.939.318.336
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	(17.929.463.678)
Số cuối năm	-

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.297.522.878	777.886.105
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	19.302.184	7.394.180
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	1.278.220.694	770.491.925
Phải trả các nhà cung cấp khác	3.511.993.687	2.415.347.800
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	428.450.000	428.450.000
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân	2.580.086.804	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại và Đầu tư Lin Đan	-	579.114.000
Công ty TNHH Đông Nam Tyres	-	363.290.400
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Xây dựng Hưng Thành Phát	-	758.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Lộc Thành Phát	396.001.556	-
Các nhà cung cấp khác	107.455.327	286.493.400
Cộng	4.809.516.565	3.193.233.905

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁI LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	114.470.915	12.580.821.795	(12.466.350.880)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.789.791.041	21.700.559.946	(15.592.040.893)	4.318.728.012	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.037.313.275	-	1.867.333.843	(1.621.773.845)	1.282.873.273	-
Thuế nhà đất	-	-	15.499.175	(15.499.175)	-	-
Tiền thuê đất	-	113.911.770	383.034.798	(433.280.799)	-	164.157.771
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	1.037.313.275	2.018.173.726	36.550.249.557	(30.131.945.592)	5.601.601.285	164.157.771

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ cung cấp cho các hãng tàu nước ngoài	0%
Cung cấp nước sạch	5%
Các dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	112.367.608.478	102.144.757.910
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	718.973.394	572.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Thu lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	552.000.000	552.000.000
Chi phí loại trừ không hợp lệ khác	166.973.394	20.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	113.086.581.872	102.716.757.910
Thu nhập được miễn thuế	(4.583.782.141)	(5.618.254.511)
Thu nhập tính thuế	108.502.799.731	97.098.503.399
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	21.700.559.946	19.419.700.681
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	-	(5.825.910.204)
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	21.700.559.946	13.593.790.477

- (*) Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019 theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2023, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái được giảm 30% tiền thuê đất phải nộp năm 2022 tại phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức để đầu tư xây dựng cảng với diện tích khu đất là 59.796,2 m² tương ứng với số tiền thuê đất năm 2022 được giảm là 164.157.771 VND.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>4.000.000</i>	<i>174.000.000</i>
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	4.000.000	174.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.387.640.095</i>	<i>4.518.391.221</i>
Kinh phí công đoàn	26.765.433	96.114.420
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.128.705	2.895.826
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	375.750.000	375.750.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.916.658.775	4.043.630.975
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	64.337.182	-
Cộng	<u>5.391.640.095</u>	<u>4.692.391.221</u>

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Nhận tiền khen thưởng từ TCT</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.296.364.489	3.626.681.941	22.000.000	(3.967.000.000)	1.978.046.430
Quỹ phúc lợi	879.853.113	906.670.486	-	(1.234.325.000)	552.198.599
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.859.882	1.470.193.487	-	(1.470.193.487)	4.859.882
Cộng	<u>3.181.077.484</u>	<u>6.003.545.914</u>	<u>22.000.000</u>	<u>(6.671.518.487)</u>	<u>2.535.104.911</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước					
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	116.748.965.705	618.725.009.99
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	88.550.967.433	88.550.967.43
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(74.800.000.000)	(74.800.000.000)
Trích quỹ khen thưởng BĐH từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(2.636.649.366)	(2.636.649.366)
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận trong năm	-	-	-	(4.427.548.372)	(4.427.548.372)
Số dư cuối năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	123.435.735.400	625.411.779.68
Năm nay					
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	123.435.735.400	625.411.779.68
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	90.667.048.532	90.667.048.53
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(81.600.000.000)	(81.600.000.000)
Trích quỹ khen thưởng BĐH từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(1.470.193.487)	(1.470.193.487)
Trích quỹ hoạt động HĐQT, BKS năm 2021 theo NQ ĐHCĐ năm 2022	-	-	-	(885.509.674)	(885.509.674)
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận trong năm	-	-	-	(4.533.352.427)	(4.533.352.427)
Số dư cuối năm	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	125.613.728.344	627.589.772.63

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Cộng	340.000.000.000	340.000.000.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 17/NQ-ĐHĐCĐ/CLL ngày 28 tháng 6 năm 2022 như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021	
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	: 1.470.193.487
• Chia cổ tức	: 81.600.000.000
• Trích quỹ hoạt động HĐQT, BKS	: 885.509.674
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022	
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	: 4.533.352.427

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dịch vụ cho thuê cảng biển	150.000.000.000	146.500.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	27.084.476.256	27.778.950.000
Doanh thu dịch vụ khác	17.348.115.755	17.563.255.762
Cộng	194.432.592.011	191.842.205.762

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không có giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con. Các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Doanh thu cho thuê bãi	150.000.000.000	146.500.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	27.084.476.256	27.778.950.000
Doanh thu dịch vụ khác	17.190.396.707	17.563.255.762
Cộng	194.274.872.963	191.842.205.762

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ cho thuê cảng biển	30.623.191.752	49.583.172.559
Giá vốn của dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	24.528.493.357	24.934.174.859
Giá vốn của dịch vụ khác	16.075.632.469	14.056.516.937
Cộng	71.227.317.578	88.573.864.355

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.225.950.644	6.839.676.096
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.583.782.141	5.618.254.511
Lãi bán hàng trả chậm	1.023.997.214	1.670.769.004
Cộng	12.833.729.999	14.128.699.611

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.981.489.628	-
Chi phí bán hàng khác	469.369.700	103.881.001
Cộng	3.450.859.328	103.881.001

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.674.943.178	8.574.555.332
Chi phí vật liệu quản lý	203.758.079	83.021.255
Chi phí đồ dùng văn phòng	640.198.513	166.523.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	996.822.187	241.562.131
Thuế, phí và lệ phí	27.364.630	42.410.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.680.472.352	1.831.130.951
Các chi phí khác	5.847.804.494	4.209.198.233
Cộng	20.071.363.433	15.148.402.108

6. Chi phí khác

Là khoản thuế bị phạt chậm nộp.

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	203.758.079	83.021.255
Chi phí nhân công	15.148.757.108	13.871.923.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.979.653.295	35.442.159.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.611.160.067	35.601.797.185
Chi phí khác	18.806.211.790	18.827.245.942
Cộng	94.749.540.339	103.826.147.464

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản và nợ tiềm tàng

Theo bản án phúc thẩm số 845/2022/KDTM-PT ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh” giữa các bên gồm: Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (“Nông nghiệp Sài Gòn”), Công ty Cổ phần Càng Cát Lái (“Công ty”) và Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng (“Công ty Quang Thái Hồng”), Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Buộc Công ty phải trả cho Nông nghiệp Sài Gòn khoản phí dịch vụ do chậm bàn giao mặt bằng là 43.450.000 VND/tháng tính từ ngày 01 tháng 06 năm 2019 đến ngày 01 tháng 06 năm 2021 là 24 tháng, tính thành tiền là 1.042.800.000 VND
- Công ty phải trả Nông nghiệp Sài Gòn khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 02 tháng 06 năm 2021 đến ngày 04 tháng 07 năm 2022 là 13 tháng 02 ngày với mức lãi suất 10%/năm, thành tiền là 113.541.397 VND.
- Công ty Quang Thái Hồng phải trả cho Công ty tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/07/2019 đến ngày 05 tháng 07 năm 2022 với lãi suất 10%/năm. Tổng số tiền lãi là: 2.614.407.467 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh V.14

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ tên - Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
<i>Năm nay</i>				
Nguyễn Phương Nam - Chủ tịch HĐQT	-	362.126.369	120.000.000	482.126.369
Lê Thành Khoa - Phó Chủ tịch HĐQT	-	362.126.369	120.000.000	482.126.369
Lê Chí Đăng - Ủy viên HĐQT/Giám đốc	1.115.042.763	330.120.573	72.000.000	1.517.163.336
Phạm Hiếu Đạo - Ủy viên HĐQT /Phó Giám đốc	856.971.915	330.120.573	72.000.000	1.259.092.488
Nguyễn Huỳnh Mai - Ủy viên HĐQT	-	298.114.776	72.000.000	370.114.776
Nguyễn Châu Bảo - Ủy viên HĐQT	-	298.114.776	72.000.000	370.114.776
Đỗ Thanh Thành - Trưởng BKS	-	80.500.879	60.000.000	140.500.879
Nguyễn Quang Phước Sơn - TV BKS (đến ngày 23/01/2022)	-	70.438.270	3.193.548	73.631.818
Nguyễn Xuân Vinh - TV BKS (đến 10/12/2021)	-	66.329.372	-	66.329.372
Tạ Cao Thái - TV BKS (từ 23/01/2022)	-	-	50.806.452	50.806.452
Lê Hải Nam - TV BKS (từ 10/12/2021)	-	4.108.899	54.000.000	58.108.899
Nguyễn Việt Trường - Kế toán trưởng	763.446.412	153.602.305	-	917.048.717
Cộng	2.735.461.090	2.355.703.161	696.000.000	5.787.164.251

Năm trước

Nguyễn Phương Nam - Chủ tịch HĐQT	-	558.178.069	120.000.000	678.178.069
Lê Thành Khoa - Phó Chủ tịch HĐQT	-	558.178.069	120.000.000	678.178.069
Lê Chí Đăng - Ủy viên HĐQT/Giám đốc	619.810.000	1.011.383.815	72.000.000	1.703.193.815
Phạm Hiếu Đạo - Ủy viên HĐQT /Phó Giám đốc	478.299.600	884.183.815	72.000.000	1.434.483.415
Nguyễn Huỳnh Mai - Ủy viên HĐQT	-	458.589.561	72.000.000	530.589.561
Nguyễn Châu Bảo - Ủy viên HĐQT	-	458.589.561	72.000.000	530.589.561
Đỗ Thanh Thành - Trưởng BKS	-	83.530.224	60.000.000	143.530.224

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Họ tên - Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Nguyễn Quang Phước Sơn – TV BKS	-	73.088.946	54.000.000	127.088.946
Nguyễn Xuân Vinh – TV BKS (đến 10/12/2021)	-	73.088.946	53.419.355	126.508.301
Lê Hải Nam – TV BKS (từ 10/12/2021)	-	-	580.645	580.645
Nguyễn Việt Trường - Kế toán trưởng	423.863.706	619.470.828	-	1.043.334.534
Cộng	1.521.973.306	4.778.281.834	696.000.000	6.996.255.140

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Chia cổ tức	20.918.808.000	19.175.574.000
Chi phí mua hàng và sử dụng dịch vụ	1.151.545.783	100.320.933
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
Chia cổ tức	2.970.000.000	2.722.500.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong		
Chi trả cổ tức	17.997.000.000	16.497.250.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Chi phí mua hàng và sử dụng dịch vụ	8.252.812.346	4.950.917.811
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry		
Chi phí sử dụng dịch vụ	-	134.020.260
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng		
Chi phí sử dụng dịch vụ	-	27.908.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng		

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁI LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí sử dụng dịch vụ	2.909.000	-
<i>Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC</i>		
Chi phí sử dụng dịch vụ	4.800.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê cảng biển
- Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ
- Các lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực cho thuê cảng biển</u>	<u>Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	150.000.000.000	27.084.476.256	17.348.115.755	194.432.592.011
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.000.000.000	27.084.476.256	17.348.115.755	194.432.592.011
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	119.376.808.248	2.555.982.899	1.272.483.286	123.205.274.433
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(23.522.222.761)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				99.683.051.672
Doanh thu hoạt động tài chính				12.833.729.999
Chi phí tài chính				-
Thu nhập khác				17.800.201
Chi phí khác				(166.973.394)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(21.700.559.946)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế TNDN				90.667.048.532
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	18.742.291.303	-	-	18.742.291.303
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.240.759.810	6.954.052.800	788.018.498	22.982.831.108

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁI LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	146.500.000.000	27.778.950.000	17.563.255.762	191.842.205.762
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.500.000.000	27.778.950.000	17.563.255.762	191.842.205.762
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	96.916.827.441	2.844.775.141	3.506.738.825	103.268.341.407
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(15.252.283.109)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				88.016.058.298
Doanh thu hoạt động tài chính				14.128.699.611
Chi phí tài chính				-
Thu nhập khác				1
Chi phí khác				-
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(13.593.790.477)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế TNDN				88.550.967.433
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	279.050.400	-	279.050.400
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	19.665.371.460	4.391.754.486	122.447.724	24.179.573.670
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:				
	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	131.337.924.448	26.160.604.056	27.661.172.468	185.159.700.972
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				463.433.983.869
Tổng tài sản				648.593.684.841
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	60.903.360	1.229.720.734	3.518.892.471	4.809.516.565
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				16.194.395.643
Tổng nợ phải trả				21.003.912.208
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	153.672.937.653	30.894.655.767	54.923.521.681	239.491.115.101
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				400.651.563.270
Tổng tài sản				640.142.678.371
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	73.400.000	1.866.896.325	1.252.937.580	3.193.233.905
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				11.537.664.777
Tổng nợ phải trả				14.730.898.682

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực nội địa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

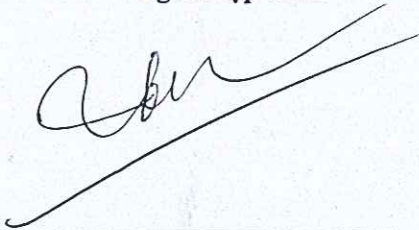
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

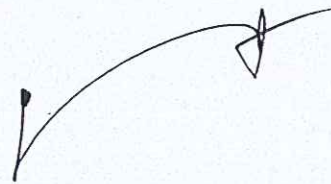
Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Trường

Giám đốc



Lê Chí Đăng

